VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

VĂN BẢN HỢP NHẤT - BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Văn bản hợp nhất số 05/VBHN-BNNPTNT ngày 20 tháng 4 năm 2022 hợp nhất Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giống cây trồng, bảo vệ và kiểm dịch thực vật

(Tiếp theo Công báo số 327 + 328)

Chương III
HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH, HÌNH THỨC, MỨC XỬ PHẠT VÀ BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ TRONG LĨNH VỰC BẢO VỆ VÀ KIỂM DỊCH THỰC VẬT

Điều 19. Vi phạm quy định về phòng, chống sinh vật gây hại thực vật

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng đối với hành vi vi phạm người trực tiếp làm dịch vụ bảo vệ thực vật không có trình độ chuyên môn về bảo vệ thực vật theo quy định của pháp luật.

2. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.500.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Cố ý áp dụng không đúng biện pháp chống dịch theo yêu cầu và hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi có quyết định công bố dịch hại thực vật;

b)[5] ***(được bãi bỏ)***

3. Phạt tiền từ 1.500.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

[5] Điểm này được bãi bỏ theo quy định khoản 1 Điều 3 của Nghị định số 04/2020/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 31/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giống cây trồng, bảo vệ và kiểm dịch thực vật; Nghị định số 90/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y, có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 02 năm 2020.

a) Không áp dụng các biện pháp chống dịch theo yêu cầu và hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi có quyết định công bố dịch hại thực vật;

b) Không bố trí người, phương tiện phục vụ việc kiểm tra vật thể kiểm dịch khi cơ quan chuyên ngành bảo vệ và kiểm dịch thực vật yêu cầu mà không có lý do xác đáng.

4. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Vận chuyển, sử dụng giống cây hoặc vật liệu làm giống bị nhiễm sinh vật gây hại từ vùng công bố dịch sang vùng khác;

b) Nhập khẩu, vận chuyển, nhân nuôi, lưu giữ sinh vật gây hại thực vật mà không được Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cho phép bằng văn bản;

c) Phát tán sinh vật gây hại thực vật.

d)[6] Đưa vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật bị nhiễm sinh vật gây hại từ vùng công bố dịch sang vùng khác làm lây lan dịch hại gây thiệt hại về tài sản dưới 100.000.000 đồng.

5. Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a, b khoản 4 Điều này vì mục đích thương mại.

5a.[7] Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối hành vi đưa vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật bị nhiễm sinh vật gây hại từ vùng công bố dịch sang vùng khác làm lây lan dịch hại gây thiệt hại về tài sản từ

---

[6] Điểm này được bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 của Nghị định số 04/2020/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 31/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giống cây trồng, bảo vệ và kiểm dịch thực vật; Nghị định số 90/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y, có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 02 năm 2020.

[7] Khoản này được bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 1 của Nghị định số 04/2020/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 31/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giống cây trồng, bảo vệ và kiểm dịch thực vật; Nghị định số 90/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y, có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 02 năm 2020.

100.000.000 đồng trở lên trong trường hợp cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự có quyết định không khởi tố vụ án hình sự, quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định đình chỉ điều tra, quyết định đình chỉ vụ án hoặc quyết định đình chỉ vụ án đối với bị can, miễn trách nhiệm hình sự theo bản án[8].

6. Biện pháp khắc phục hậu quả

a) Buộc chấp hành đúng biện pháp chống dịch đối với hành vi vi phạm tại điểm a khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều này;

b)[9] Buộc tiêu hủy giống cây, vật liệu làm giống, sinh vật gây hại đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 4, khoản 5 và khoản 5a Điều này;

c)[10] Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính quy định tại điểm d khoản 4, khoản 5, khoản 5a Điều này.

Điều 20. Vi phạm quy định về kiểm dịch thực vật xuất khẩu, nhập khẩu và quá cảnh

---

[8] Cụm từ "cơ quan tiến hành tố tụng có quyết định không khởi tố vụ án hình sự, quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định đình chỉ điều tra hoặc quyết định đình chỉ vụ án" được thay thế bởi cụm từ "cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự có quyết định không khởi tố vụ án hình sự, quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định đình chỉ điều tra, quyết định đình chỉ vụ án hoặc quyết định đình chỉ vụ án đối với bị can, miễn trách nhiệm hình sự theo bản án" theo quy định tại khoản 12 Điều 2 của Nghị định số 07/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp; bảo vệ và kiểm dịch thực vật; thú y; chăn nuôi, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2022.

[9] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 1 của Nghị định số 04/2020/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 31/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giống cây trồng, bảo vệ và kiểm dịch thực vật; Nghị định số 90/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y, có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 02 năm 2020.

[10] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 1 của Nghị định số 04/2020/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 31/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giống cây trồng, bảo vệ và kiểm dịch thực vật; Nghị định số 90/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y, có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 02 năm 2020.

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không làm thủ tục khai báo kiểm dịch thực vật trước khi nhập khẩu, xuất khẩu, vận chuyển quá cảnh vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật;

b) Không khai báo, không làm thủ tục kiểm dịch thực vật đối với vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật mang theo hành lý xách tay, hành lý ký gửi.

2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Đưa vào lãnh thổ Việt Nam vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật mà không làm thủ tục kiểm dịch tại cửa khẩu;

b)[11] ***(được bãi bỏ)***

c) Không có Giấy phép kiểm dịch thực vật nhập khẩu theo quy định, trừ trường hợp được cơ quan chuyên ngành bảo vệ và kiểm dịch thực vật của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xác nhận.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Vận chuyển, quá cảnh vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật mà không thực hiện các biện pháp ngăn chặn sinh vật gây hại theo quy định của Việt Nam;

b) Vận chuyển, quá cảnh vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật không đúng lộ trình quy định của cơ quan chuyên ngành bảo vệ và kiểm dịch thực vật hoặc lưu giữ vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật quá cảnh trên lãnh thổ Việt Nam quá thời hạn được phép;

c) Không xử lý bao bì đóng gói bằng gỗ theo quy định.

4. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

---

[11] Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 1 Điều 3 của Nghị định số 04/2020/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 31/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giống cây trồng, bảo vệ và kiểm dịch thực vật; Nghị định số 90/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y, có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 02 năm 2020.

a) Khai man, giấu diếm, tẩu tán vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật trong quá trình cơ quan chuyên ngành bảo vệ và kiểm dịch thực vật tiến hành kiểm dịch cho những lô hàng xuất khẩu, nhập khẩu;

b) Đưa thêm vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật chưa được kiểm dịch vào lô hàng đã được cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật;

c) Tự ý tháo dỡ niêm phong, xếp dỡ, chuyển tải, sang mạn, sang toa, cắt toa vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh trên phương tiện vận chuyển đang chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan chuyên ngành bảo vệ và kiểm dịch thực vật;

d)[12] Đưa vào lãnh thổ Việt Nam vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật mà không có Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật của nước xuất khẩu, trừ trường hợp được cơ quan chuyên ngành bảo vệ và kiểm dịch thực vật của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xác nhận;

đ)[13] Đưa vào lãnh thổ Việt Nam vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật mà không thực hiện các quy định của pháp luật về kiểm dịch làm lây lan dịch hại gây thiệt hại về tài sản dưới 100.000.000 đồng.

5. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Đưa vào lãnh thổ Việt Nam vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật mà không thực hiện biện pháp xử lý theo quy định trong Giấy phép kiểm dịch thực vật nhập khẩu;

---

[12] Điểm này được bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 1 của Nghị định số 04/2020/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 31/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giống cây trồng, bảo vệ và kiểm dịch thực vật; Nghị định số 90/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y, có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 02 năm 2020.

[13] Điểm này được bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 1 của Nghị định số 04/2020/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 31/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giống cây trồng, bảo vệ và kiểm dịch thực vật; Nghị định số 90/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y, có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 02 năm 2020.

b) Đưa vào lãnh thổ Việt Nam đối tượng kiểm dịch thực vật hoặc đối tượng phải kiểm soát hoặc sinh vật gây hại lạ còn sống mà không được phép của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

c) Đưa đất vào Việt Nam trừ trường hợp được sự đồng ý bằng văn bản của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

d) Không thực hiện tái xuất vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật bị nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật hoặc sinh vật gây hại lạ đúng thời hạn theo quyết định của cơ quan chuyên ngành bảo vệ và kiểm dịch thực vật;

đ) Vận chuyển vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật bị nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật chưa được xử lý triệt để theo chỉ định của cơ quan chuyên ngành bảo vệ và kiểm dịch thực vật;

e) [14] Đưa vào lãnh thổ Việt Nam vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật mà không thực hiện các quy định của pháp luật về kiểm dịch làm lây lan dịch hại gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng trở lên trong trường hợp cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự có quyết định không khởi tố vụ án hình sự, quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định đình chỉ điều tra, quyết định đình chỉ vụ án hoặc quyết định đình chỉ vụ án đối với bị can, miễn trách nhiệm hình sự theo bản án[15].

---

[14] Điểm này được bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 1 của Nghị định số 04/2020/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 31/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giống cây trồng, bảo vệ và kiểm dịch thực vật; Nghị định số 90/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y, có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 02 năm 2020.

[15] Cụm từ "cơ quan tiến hành tố tụng có quyết định không khởi tố vụ án hình sự, quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định đình chỉ điều tra hoặc quyết định đình chỉ vụ án" được thay thế bởi cụm từ "cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự có quyết định không khởi tố vụ án hình sự, quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định đình chỉ điều tra, quyết định đình chỉ vụ án hoặc quyết định đình chỉ vụ án đối với bị can, miễn trách nhiệm hình sự theo bản án" theo quy định tại khoản 12 Điều 2 của Nghị định số 07/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp; bảo vệ và kiểm dịch thực vật; thú y; chăn nuôi, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2022.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả

a)[16] Buộc tái xuất hoặc tiêu hủy vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 1, điểm d khoản 5 Điều này;

b)[17] Buộc đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm d khoản 4 trong trường hợp vi phạm từ lần thứ ba trở lên, điểm c khoản 2, điểm c khoản 5 Điều này; đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 5 Điều này trong trường hợp tái phạm. Quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định xử phạt của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền mà vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật vẫn chưa được đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam thì người có thẩm quyền quy định tại khoản 4 Điều 33 Nghị định này ra quyết định tiêu hủy, trừ trường hợp có lý do chính đáng;

c) Buộc xử lý bao bì đóng gói bằng gỗ đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 3 Điều này;

d) Buộc tiêu hủy đối tượng kiểm dịch thực vật hoặc đối tượng phải kiểm soát hoặc sinh vật gây hại lạ còn sống đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 5 Điều này;

đ)[18] Buộc xử lý triệt để vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật bị nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật bằng một trong các biện pháp xử lý quy định tại khoản 2,

---

[16] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 1 của Nghị định số 04/2020/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 31/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giống cây trồng, bảo vệ và kiểm dịch thực vật; Nghị định số 90/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y, có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 02 năm 2020.

[17] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 1 của Nghị định số 04/2020/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 31/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giống cây trồng, bảo vệ và kiểm dịch thực vật; Nghị định số 90/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y, có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 02 năm 2020.

[18] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 1 của Nghị định số 04/2020/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 31/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giống cây trồng, bảo vệ và kiểm dịch thực vật; Nghị định số 90/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y, có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 02 năm 2020.

khoản 3 Điều 34 Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật năm 2013 đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm đ khoản 4 và điểm đ, điểm e khoản 5 Điều này.

Điều 21. Vi phạm quy định về kiểm dịch thực vật nội địa

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng đối với hành vi vi phạm không có Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật nhập khẩu, quá cảnh và vận chuyển nội địa do cơ quan chuyên ngành bảo vệ và kiểm dịch thực vật cấp đối với vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật vận chuyển từ vùng công bố dịch là đối tượng kiểm dịch thực vật ra vùng khác.

2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Vận chuyển, bốc dỡ vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật bị nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật, đối tượng phải kiểm soát, sinh vật gây hại lạ không đúng địa điểm quy định trong Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật nhập khẩu, quá cảnh và vận chuyển nội địa;

b) Đưa vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật tới những nơi không quy định trong Giấy phép kiểm dịch thực vật nhập khẩu.

3. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Đưa đối tượng kiểm dịch thực vật, đối tượng phải kiểm soát, sinh vật gây hại lạ ra các vùng trong lãnh thổ Việt Nam;

b) Vận chuyển, lưu thông vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật đã có kết luận bị nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật, đối tượng phải kiểm soát hoặc sinh vật gây hại lạ mà không thực hiện đúng quy định của cơ quan chuyên ngành bảo vệ và kiểm dịch thực vật có thẩm quyền;

c) Không chấp hành các biện pháp khoanh vùng, bao vây, tiêu diệt ổ dịch, đối tượng kiểm dịch thực vật, đối tượng phải kiểm soát hoặc sinh vật gây hại lạ theo quyết định của cơ quan chuyên ngành bảo vệ và kiểm dịch thực vật có thẩm quyền.

4. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm không chấp hành các biện pháp xử lý đối với vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật bị nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật, đối tượng phải kiểm soát của Việt Nam hoặc sinh vật gây hại lạ.

5. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không chấp hành quy định, quyết định của cơ quan chuyên ngành bảo vệ và kiểm dịch thực vật đối với việc xử lý đối tượng kiểm dịch thực vật.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả

a) Buộc thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng lây lan đối tượng kiểm dịch thực vật đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 2, 3 và 5 Điều này;

b) Buộc tiêu hủy vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật bị nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 4, 5 Điều này.

Điều 22. Vi phạm quy định về kiểm dịch thực vật giống cây trồng và sinh vật có ích nhập khẩu

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm không khai báo với cơ quan chuyên ngành bảo vệ và kiểm dịch thực vật ở địa phương khi đưa giống cây trồng mới lần đầu nhập khẩu gieo trồng tại địa phương theo thông báo của cơ quan chuyên ngành bảo vệ và kiểm dịch thực vật.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không tuân thủ quy định về việc nhập khẩu, nhân nuôi và sử dụng sinh vật có ích;

b) Gieo trồng giống cây trồng mới lần đầu nhập khẩu không đúng địa điểm theo quy định tại Giấy phép kiểm dịch thực vật nhập khẩu của cơ quan chuyên ngành bảo vệ và kiểm dịch thực vật.

3. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm đưa ra gieo trồng, sản xuất giống cây trồng nhập khẩu ngoài khu cách ly khi chưa có kết luận của cơ quan chuyên ngành bảo vệ và kiểm dịch thực vật về tình trạng nhiễm sinh vật gây hại đối với giống cây trồng phải gieo trồng trong khu cách ly.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả

Buộc tiêu hủy giống cây trồng, sinh vật có ích nhập khẩu đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều này.

Điều 23. Vi phạm quy định về xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Người trực tiếp quản lý, điều hành của tổ chức hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật không có trình độ chuyên môn phù hợp theo quy định;

b) Sử dụng người trực tiếp thực hiện xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật không có Thẻ hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật;

c) Xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật không có quy trình kỹ thuật đã đăng ký, thiếu phương tiện, trang thiết bị hành nghề theo quy định;

d) Kho chứa thuốc bảo vệ thực vật dùng để xông hơi khử trùng không đúng quy định.

2. Phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Sử dụng các loại thuốc xông hơi khử trùng chưa có tên thuốc thành phẩm trong Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng tại Việt Nam;

b) Sử dụng các loại thuốc xông hơi khử trùng không phù hợp với tiêu chuẩn công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng;

c) Xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật, bao bì đóng gói bằng gỗ không đúng quy trình kỹ thuật;

d) Hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật khi không có Giấy chứng nhận hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hoạt động hành nghề xông hơi khử trùng có một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Sử dụng các loại thuốc xông hơi khử trùng thuộc Danh mục thuốc bảo vệ thực vật cấm sử dụng tại Việt Nam;

b) Sử dụng các loại thuốc xông hơi khử trùng sai quy định gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật được xông hơi khử trùng;

c) Hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật bị thông báo vi phạm của cơ quan có thẩm quyền về kiểm dịch thực vật nước nhập khẩu;

4. Hình thức xử phạt bổ sung

a) Tước quyền sử dụng Thẻ hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật từ 01 tháng đến 03 tháng nếu có tình tiết tăng nặng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 2 Điều này;

b) Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật từ 01 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a, b khoản 2 và điểm a, b khoản 3 Điều này;

c) Đình chỉ hoạt động hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này;

d) Đình chỉ hoạt động hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 3 Điều này trong trường hợp tái phạm.

Điều 24. Vi phạm quy định về sản xuất thuốc bảo vệ thực vật

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Sản xuất thuốc mà Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật đã hết hạn;

b) Không duy trì đầy đủ các điều kiện về sản xuất thuốc bảo vệ thực vật theo quy định tại Điều 61 của Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật trong quá trình hoạt động sản xuất;

c) Sản xuất thuốc không đúng với nội dung ghi trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật đã được cấp.

d) Không tiến hành kiểm tra chất lượng thuốc bảo vệ thực vật đối với mỗi lô sản phẩm xuất xưởng, không lưu giữ hồ sơ, giấy kiểm định chất lượng và thuốc mẫu của từng lô thuốc bảo vệ thực vật xuất xưởng theo đúng quy định pháp luật.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Đóng gói thuốc thành phẩm đã quá hạn sử dụng;

b) Sản xuất thuốc có nội dung nhãn không đúng với nội dung của Giấy Chứng nhận đăng ký thuốc bảo vệ thực vật.

3. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Sản xuất thuốc không có Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật;

b) Đóng gói thuốc dưới dạng ống tiêm thủy tinh;

c) Tiếp tục sản xuất khi đã bị cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền đình chỉ hoạt động sản xuất, tước quyền sử dụng hoặc thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc;

d) Không thực hiện thu hồi hoặc không tuân thủ thời hạn thu hồi thuốc bảo vệ thực vật theo Quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

4.[19] Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với hành vi sản xuất thuốc bảo vệ thực vật không có tên trong Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng tại Việt Nam có trị giá dưới 200.000.000 đồng hoặc thu lợi bất chính dưới 100.000.000 đồng trừ trường hợp có Giấy phép nhập khẩu quy định tại khoản 2 Điều 67 Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật.

5.[20] Phạt tiền từ 25.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng đối với hành vi sản xuất thuốc bảo vệ thực vật trong Danh mục thuốc bảo vệ thực vật cấm sử dụng tại Việt Nam có khối lượng dưới 30 kilôgam (hoặc 30 lít) thuốc thành phẩm.

6.[21] Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 45.000.000 đồng đối với hành vi sản xuất thuốc bảo vệ thực vật trong Danh mục thuốc bảo vệ thực vật cấm sử dụng tại Việt Nam có khối lượng từ 30 kilôgam (hoặc 30 lít) đến dưới 50 kilôgam (hoặc 50 lít) thuốc thành phẩm.

---

[19] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 1 của Nghị định số 04/2020/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 31/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giống cây trồng, bảo vệ và kiểm dịch thực vật; Nghị định số 90/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y, có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 02 năm 2020.

[20] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 1 của Nghị định số 04/2020/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 31/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giống cây trồng, bảo vệ và kiểm dịch thực vật; Nghị định số 90/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y, có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 02 năm 2020.

[21] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 1 của Nghị định số 04/2020/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 31/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giống cây trồng, bảo vệ và kiểm dịch thực vật; Nghị định số 90/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y, có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 02 năm 2020.

7.[22] Phạt tiền từ 45.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Sản xuất thuốc bảo vệ thực vật trong Danh mục thuốc bảo vệ thực vật cấm sử dụng tại Việt Nam có khối lượng từ 50 kilôgam (hoặc 50 lít) thuốc thành phẩm trở lên trong trường hợp cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự có quyết định không khởi tố vụ án hình sự, quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định đình chỉ điều tra, quyết định đình chỉ vụ án hoặc quyết định đình chỉ vụ án đối với bị can, miễn trách nhiệm hình sự theo bản án[23];

b) Sản xuất thuốc bảo vệ thực vật không có tên trong Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng tại Việt Nam có trị giá từ 200.000.000 đồng trở lên hoặc thu lợi bất chính từ 100.000.000 đồng trở lên, trừ trường hợp có Giấy phép nhập khẩu quy định tại khoản 2 Điều 67 Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật khi cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự có quyết định không khởi tố vụ án hình sự, quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định đình chỉ điều tra, quyết định đình chỉ vụ án hoặc quyết định đình chỉ vụ án đối với bị can, miễn trách nhiệm hình sự theo bản án[24].

---

[22] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 1 của Nghị định số 04/2020/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 31/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giống cây trồng, bảo vệ và kiểm dịch thực vật; Nghị định số 90/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y, có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 02 năm 2020.

[23] Cụm từ "cơ quan tiến hành tố tụng có quyết định không khởi tố vụ án hình sự, quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định đình chỉ điều tra hoặc quyết định đình chỉ vụ án" được thay thế bởi cụm từ "cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự có quyết định không khởi tố vụ án hình sự, quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định đình chỉ điều tra, quyết định đình chỉ vụ án hoặc quyết định đình chỉ vụ án đối với bị can, miễn trách nhiệm hình sự theo bản án" theo quy định tại khoản 12 Điều 2 của Nghị định số 07/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp; bảo vệ và kiểm dịch thực vật; thú y; chăn nuôi, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2022.

[24] Cụm từ "cơ quan tiến hành tố tụng có quyết định không khởi tố vụ án hình sự, quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định đình chỉ điều tra hoặc quyết định đình chỉ vụ án" được thay thế bởi cụm từ "cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự có quyết định không khởi tố vụ án hình sự, quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định đình chỉ điều tra, quyết định đình chỉ vụ án hoặc quyết định đình chỉ vụ án đối với bị can, miễn trách nhiệm hình sự theo bản án" theo quy định tại khoản 12 Điều 2 của Nghị định số 07/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp; bảo vệ và kiểm dịch thực vật; thú y; chăn nuôi, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2022.

8. Hình thức xử phạt bổ sung

a) Đình chỉ 06 tháng hoạt động sản xuất thuốc bảo vệ thực vật của cơ sở đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm d khoản 3 Điều này;

b) Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 4 Điều này;

c)[25] Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 5, khoản 6 và khoản 7 Điều này.

9. Biện pháp khắc phục hậu quả

a) Buộc tiêu hủy hoặc buộc tái chế thuốc thành phẩm còn có khả năng tái chế đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 2 Điều này;

b) Buộc thu hồi thuốc bảo vệ thực vật có nhãn sai quy định và buộc loại bỏ các nội dung vi phạm hoặc thay nhãn theo đúng quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 2 Điều này;

c) Buộc tiêu hủy thuốc thành phẩm, thuốc kỹ thuật đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 3, khoản 4, 5, 6 và 7 Điều này.

d)[26] Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 4, khoản 5, khoản 6 và khoản 7 Điều này.

---

[25] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 1 của Nghị định số 04/2020/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 31/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giống cây trồng, bảo vệ và kiểm dịch thực vật; Nghị định số 90/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y, có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 02 năm 2020.

[26] Điểm này được bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 1 của Nghị định số 04/2020/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 31/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giống cây trồng, bảo vệ và kiểm dịch thực vật; Nghị định số 90/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y, có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 02 năm 2020.

Điều 25. Vi phạm quy định về buôn bán thuốc bảo vệ thực vật[27]

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm buôn bán thuốc bảo vệ thực vật sau đây:

a)[28] ***(được bãi bỏ)***

b) Buôn bán thuốc bảo vệ thực vật hết hạn sử dụng; thuốc không đảm bảo chất lượng, không phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng có trị giá dưới 5.000.000 đồng;

c) Buôn bán thuốc bảo vệ thực vật khi Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật đã hết hạn;

d) Không duy trì đầy đủ các điều kiện về buôn bán thuốc bảo vệ thực vật theo quy định tại Điều 63 Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật trong quá trình hoạt động kinh doanh.

1a.[29] Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với hành vi buôn bán thuốc bảo vệ thực vật chung với các loại hàng hóa khác như: Lương thực, thực phẩm, thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản, thuốc y tế, thuốc thú y.

2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm buôn bán thuốc bảo vệ thực vật sau đây:

a) Buôn bán thuốc bảo vệ thực vật hết hạn sử dụng; thuốc không đảm bảo chất lượng, không phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng có trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 15.000.000 đồng;

---

[27] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 1 của Nghị định số 04/2020/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 31/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giống cây trồng, bảo vệ và kiểm dịch thực vật; Nghị định số 90/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y, có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 02 năm 2020.

[28] Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 2 của Nghị định số 07/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp; bảo vệ và kiểm dịch thực vật; thú y; chăn nuôi, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2022.

[29] Khoản này được bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 2 của Nghị định số 07/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp; bảo vệ và kiểm dịch thực vật; thú y; chăn nuôi, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2022.

b) Buôn bán thuốc bảo vệ thực vật trong Danh mục thuốc bảo vệ thực vật cấm sử dụng tại Việt Nam có khối lượng đến dưới 3 kilôgam (hoặc 3 lít) thuốc thành phẩm;

c) Buôn bán thuốc bảo vệ thực vật không có Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật;

d) Buôn bán thuốc bảo vệ thực vật không có tên trong Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng tại Việt Nam có trị giá dưới 5.000.000 đồng.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm buôn bán thuốc bảo vệ thực vật sau đây:

a) Buôn bán thuốc bảo vệ thực vật hết hạn sử dụng; thuốc không đảm bảo chất lượng, không phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng có trị giá từ 15.000.000 đồng đến dưới 30.000.000 đồng;

b) Buôn bán thuốc bảo vệ thực vật trong Danh mục thuốc bảo vệ thực vật cấm sử dụng tại Việt Nam có khối lượng từ 3 kilôgam (hoặc 3 lít) đến dưới 5 kilôgam (hoặc 5 lít) thuốc thành phẩm;

c) Buôn bán thuốc bảo vệ thực vật dưới dạng ống tiêm thủy tinh;

d) Bán thuốc bảo vệ thực vật dùng để xông hơi khử trùng cho người không có thẻ hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật hoặc tổ chức không có Giấy chứng nhận hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật;

đ) Hướng dẫn sử dụng cho người mua thuốc bảo vệ thực vật không đúng nội dung trên nhãn thuốc bảo vệ thực vật;

e) Buôn bán thuốc bảo vệ thực vật trong thời gian đang bị đình chỉ hoạt động buôn bán, tước quyền sử dụng hoặc thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc;

g) Buôn bán thuốc bảo vệ thực vật không có tên trong Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng tại Việt Nam có trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 15.000.000 đồng.

4. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm buôn bán thuốc bảo vệ thực vật sau đây:

a) Buôn bán thuốc bảo vệ thực vật hết hạn sử dụng; thuốc không đảm bảo chất lượng, không phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng có trị giá từ 30.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng;

b) Buôn bán thuốc bảo vệ thực vật trong Danh mục thuốc bảo vệ thực vật cấm sử dụng tại Việt Nam có khối lượng từ 5 kilôgam (hoặc 5 lít) đến dưới 10 kilôgam (hoặc 10 lít) thuốc thành phẩm;

c) Buôn bán thuốc bảo vệ thực vật không có tên trong Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng tại Việt Nam có trị giá từ 15.000.000 đồng đến dưới 30.000.000 đồng.

5. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm buôn bán thuốc bảo vệ thực vật sau đây:

a) Buôn bán thuốc bảo vệ thực vật hết hạn sử dụng; thuốc không đảm bảo chất lượng, không phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng có trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng;

b) Buôn bán thuốc bảo vệ thực vật trong Danh mục thuốc bảo vệ thực vật cấm sử dụng tại Việt Nam có khối lượng từ 10 kilôgam (hoặc 10 lít) đến dưới 20 kilôgam (hoặc 20 lít) thuốc thành phẩm;

c) Buôn bán thuốc bảo vệ thực vật không có tên trong Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng tại Việt Nam có trị giá từ 30.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng.

6. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm buôn bán thuốc bảo vệ thực vật sau đây:

a) Buôn bán thuốc bảo vệ thực vật hết hạn sử dụng; thuốc không đảm bảo chất lượng, không phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng có trị giá từ 100.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;

b) Buôn bán thuốc bảo vệ thực vật trong Danh mục thuốc bảo vệ thực vật cấm sử dụng tại Việt Nam có khối lượng từ 20 kilôgam (hoặc 20 lít) đến dưới 30 kilôgam (hoặc 30 lít) thuốc thành phẩm;

c) Buôn bán thuốc bảo vệ thực vật không có tên trong Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng tại Việt Nam có trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng.

7. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 45.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm buôn bán thuốc bảo vệ thực vật sau đây:

a) Buôn bán thuốc bảo vệ thực vật hết hạn sử dụng; thuốc không đảm bảo chất lượng, không phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật tương ứng có trị giá từ 200.000.000 đồng trở lên;

b) Buôn bán thuốc bảo vệ thực vật trong Danh mục thuốc bảo vệ thực vật cấm sử dụng tại Việt Nam có khối lượng từ 30 kilôgam (hoặc 30 lít) đến dưới 50 kilôgam (hoặc 50 lít) thuốc thành phẩm;

c) Buôn bán thuốc bảo vệ thực vật không có tên trong Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng tại Việt Nam có trị giá từ 100.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng.

8. Phạt tiền từ 45.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Buôn bán thuốc bảo vệ thực vật trong Danh mục thuốc bảo vệ thực vật cấm sử dụng tại Việt Nam có khối lượng từ 50 kilôgam (hoặc 50 lít) thuốc thành phẩm trở lên trong trường hợp cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự có quyết định không khởi tố vụ án hình sự, quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định đình chỉ điều tra, quyết định đình chỉ vụ án hoặc quyết định đình chỉ vụ án đối với bị can, miễn trách nhiệm hình sự theo bản án[30];

---

[30] Cụm từ "cơ quan tiến hành tố tụng có quyết định không khởi tố vụ án hình sự, quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định đình chỉ điều tra hoặc quyết định đình chỉ vụ án" được thay thế bởi cụm từ "cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự có quyết định không khởi tố vụ án hình sự, quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định đình chỉ điều tra, quyết định đình chỉ vụ án hoặc quyết định đình chỉ vụ án đối với bị can, miễn trách nhiệm hình sự theo bản án" theo quy định tại khoản 12 Điều 2 của Nghị định số 07/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp; bảo vệ và kiểm dịch thực vật; thú y; chăn nuôi, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2022.

b) Buôn bán thuốc bảo vệ thực vật không có tên trong Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng tại Việt Nam có trị giá từ 200.000.000 đồng trở lên hoặc thu lợi bất chính từ 100.000.000 đồng trở lên, trừ trường hợp có Giấy phép nhập khẩu quy định tại khoản 2 Điều 67 Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật khi cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự có quyết định không khởi tố vụ án hình sự, quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định đình chỉ điều tra, quyết định đình chỉ vụ án hoặc quyết định đình chỉ vụ án đối với bị can, miễn trách nhiệm hình sự theo bản án[31].

9. Hình thức xử phạt bổ sung

a) Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b, điểm c khoản 4; điểm b, điểm c khoản 5 và điểm b, điểm c khoản 6 Điều này.

b) Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b, điểm c khoản 7 và khoản 8 Điều này.

10. Biện pháp khắc phục hậu quả

a) Buộc thu hồi, trả lại nhà sản xuất hoặc nhà phân phối để tiêu hủy hoặc tái chế thuốc còn có khả năng tái chế đối với thuốc hết hạn sử dụng, thuốc không đảm bảo chất lượng, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng quy định tại điểm b khoản 1, điểm a khoản 2, điểm a khoản 3, điểm a khoản 4, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 và điểm a khoản 7 Điều này;

b) Buộc tiêu hủy thuốc bảo vệ thực vật trong Danh mục thuốc bảo vệ thực vật cấm sử dụng tại Việt Nam, thuốc không có tên trong Danh mục thuốc bảo vệ thực

---

[31] Cụm từ "cơ quan tiến hành tố tụng có quyết định không khởi tố vụ án hình sự, quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định đình chỉ điều tra hoặc quyết định đình chỉ vụ án" được thay thế bởi cụm từ "cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự có quyết định không khởi tố vụ án hình sự, quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định đình chỉ điều tra, quyết định đình chỉ vụ án hoặc quyết định đình chỉ vụ án đối với bị can, miễn trách nhiệm hình sự theo bản án" theo quy định tại khoản 12 Điều 2 của Nghị định số 07/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp; bảo vệ và kiểm dịch thực vật; thú y; chăn nuôi, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2022.

vật được phép sử dụng tại Việt Nam, thuốc dưới dạng ống tiêm thủy tinh đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b, d khoản 2; điểm b, c, g khoản 3; điểm b, c khoản 4; điểm b, c khoản 5; điểm b, c khoản 6; điểm b, c khoản 7 và khoản 8 Điều này.

Điều 26. Vi phạm quy định về sử dụng thuốc bảo vệ thực vật

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Sử dụng thuốc bảo vệ thực vật không đúng với nội dung hướng dẫn sử dụng ghi trên nhãn thuốc;

b) Không thu gom, để đúng nơi quy định bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau khi sử dụng.

2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Sử dụng thuốc bảo vệ thực vật không có tên trong Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng tại Việt Nam;

b) Sử dụng thuốc bảo vệ thực vật dưới dạng ống tiêm thủy tinh.

3. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm sử dụng thuốc bảo vệ thực vật không đúng nội dung hướng dẫn ghi trên nhãn gây hậu quả nguy hiểm.

4. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm sử dụng thuốc bảo vệ thực vật trong Danh mục thuốc bảo vệ thực vật cấm sử dụng tại Việt Nam.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả

a) Buộc tiêu hủy thuốc đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 2, 4 Điều này;

b) Buộc thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 3 Điều này.

Điều 27. Vi phạm quy định về vận chuyển thuốc bảo vệ thực vật

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật an toàn về vận chuyển thuốc bảo vệ thực vật của phương tiện vận chuyển;

b) Vận chuyển thuốc bảo vệ thực vật chung với các loại hàng hóa khác như: Lương thực, thực phẩm, hàng giải khát, thức ăn chăn nuôi, thuốc y tế, thuốc thú y;

c) Vận chuyển thuốc bảo vệ thực vật hóa học trên các phương tiện giao thông công cộng.

2. Vận chuyển thuốc cấm, thuốc không có tên trong Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng tại Việt Nam thì áp dụng xử phạt vi phạm hành chính như hành vi buôn bán thuốc bảo vệ thực vật quy định tại Điều 25 Nghị định này.

Điều 28. Vi phạm quy định về nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Nhập khẩu thuốc thành phẩm trong Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng ở Việt Nam không đúng nhà sản xuất trong Giấy chứng nhận đăng ký thuốc bảo vệ thực vật tại Việt Nam;

b) Nhập khẩu thuốc thành phẩm trong Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng ở Việt Nam có thời hạn sử dụng dưới 2/3 hạn sử dụng được ghi trên nhãn thuốc kể từ khi thuốc đến Việt Nam.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật trong Danh mục thuốc bảo vệ thực vật cấm sử dụng tại Việt Nam làm chất chuẩn dùng trong hoạt động thử nghiệm mà không có Giấy phép nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật thành phẩm, thuốc kỹ thuật không đảm bảo chất lượng, không phù hợp quy chuẩn kỹ thuật tương ứng.

4. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Nhập khẩu thuốc thành phẩm hoặc thuốc kỹ thuật không có trong Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng tại Việt Nam mà không có Giấy phép nhập khẩu của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

b) Nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật thành phẩm hoặc thuốc kỹ thuật hết hạn sử dụng, thuốc dưới dạng ống tiêm thủy tinh;

c) Nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật có Giấy phép nhưng không đúng loại thuốc thành phẩm, thuốc kỹ thuật ghi trong giấy phép;

d) Đưa vào sản xuất, lưu thông hoặc không bảo quản nguyên trạng thuốc bảo vệ thực vật thành phẩm, thuốc kỹ thuật nhập khẩu khi chưa có thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng thuốc bảo vệ thực vật nhập khẩu.

5. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi nhập khẩu không có Giấy phép nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các loại thuốc chứa hoạt chất methyl bromide hoặc thuốc bảo vệ thực vật chứa hoạt chất có độ độc cấp tính loại I, II theo hệ thống hài hòa toàn cầu về phân loại và ghi nhãn hóa chất (GHS).

6. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật cấm sử dụng tại Việt Nam.

7. Biện pháp khắc phục hậu quả

a) Buộc tái xuất thuốc bảo vệ thực vật đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1, Khoản 3 Điều này;

Quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định xử phạt của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền mà thuốc bảo vệ thực vật vẫn chưa được tái xuất thì người có thẩm quyền quy định tại Khoản 4 Điều 33 Nghị định này phải ra quyết định tịch thu hoặc tiêu hủy tang vật vi phạm theo quy định, trừ trường hợp có lý do chính đáng.

b) Buộc tái xuất hoặc buộc tiêu hủy thuốc thành phẩm và thuốc kỹ thuật đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2; điểm a, b, c khoản 4, khoản 5 và khoản 6 Điều này.

Điều 29. Vi phạm quy định về khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật để đăng ký vào Danh mục thuốc bảo vệ thực vật

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không có Giấy phép khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật;

b) Không duy trì đầy đủ các điều kiện về khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật theo quy định tại Điều 59 của Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật trong quá trình hoạt động khảo nghiệm.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không tuân thủ đúng quy chuẩn, tiêu chuẩn, quy trình kỹ thuật và các yêu cầu khảo nghiệm theo quy định;

b) Gian lận trong hoạt động khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật.

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với các hành vi không thực hiện khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật mà có báo cáo kết quả khảo nghiệm.

4. Hình thức xử phạt bổ sung

Đình chỉ hoạt động của tổ chức thực hiện khảo nghiệm từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm tại Khoản 2, 3 Điều này.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả

Buộc hủy bỏ kết quả khảo nghiệm đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 2, 3 Điều này.

Điều 30. Vi phạm quy định quản lý giấy phép, Giấy chứng nhận về bảo vệ và kiểm dịch thực vật

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với các hành vi vi phạm cố ý tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung các loại giấy tờ sau:

a) Giấy phép nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật;

b) Giấy phép khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật;

c) Giấy chứng nhận đăng ký thuốc bảo vệ thực vật;

d) Giấy phép kiểm dịch thực vật nhập khẩu, Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh và vận chuyển nội địa;

đ) Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật; Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật;

e) Giấy chứng nhận hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật;

g) Thẻ hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật;

h) Thông báo kết quả kiểm tra nhà nước chất lượng thuốc bảo vệ thực vật nhập khẩu.

i) Văn bản của Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận về hoạt động dịch vụ bảo vệ thực vật.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm làm giả các loại giấy tờ, hồ sơ đề nghị cấp các loại giấy tờ quy định tại Khoản 1 Điều này nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi dùng thuốc bảo vệ thực vật sai mục đích ghi trong Giấy phép nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a)[32] Buộc nộp lại giấy phép đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Buộc thu hồi và tiêu hủy các loại giấy tờ, hồ sơ đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 2 Điều này.

Chương IV
THẨM QUYỀN XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH VÀ LẬP BIÊN BẢN VI PHẠM HÀNH CHÍNH

Điều 31. Thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 5.000.000 đồng;

c)[33] Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 10.000.000 đồng;

---

[32] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 2 của Nghị định số 07/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp; bảo vệ và kiểm dịch thực vật; thú y; chăn nuôi, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2022.

[33] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 2 của Nghị định số 07/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp; bảo vệ và kiểm dịch thực vật; thú y; chăn nuôi, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2022.

d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a, c và đ khoản 1 Điều 28 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d)[34] Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a, c, đ, e, h, i khoản 1 Điều 28 Luật Xử lý vi phạm hành chính và khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a, c, d, đ, e, g, h, i khoản 1 Điều 28 Luật Xử lý vi phạm hành chính và khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

Điều 32. Thẩm quyền xử phạt của thanh tra chuyên ngành trong lĩnh vực giống cây trồng

Thanh tra chuyên ngành trong lĩnh vực giống cây trồng có thẩm quyền xử phạt đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Chương II của Nghị định này, cụ thể như sau:

1. Thanh tra viên nông nghiệp và phát triển nông thôn, người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành đang thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

---

[34] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 2 của Nghị định số 07/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp; bảo vệ và kiểm dịch thực vật; thú y; chăn nuôi, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2022.

b) Phạt tiền đến 500.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị đến 500.000 đồng;

d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a, c và đ khoản 1 Điều 28 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

2. Chánh thanh tra Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chi cục trưởng: Chi cục Kiểm Lâm hoặc Chi cục Lâm nghiệp, Chi cục Thủy sản, Chi cục Bảo vệ thực vật hoặc Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật; Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành: Cục Trồng trọt, Chi cục Kiểm lâm hoặc Chi cục Lâm nghiệp, Chi cục Thủy sản, Chi cục Bảo vệ thực vật hoặc Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật được giao nhiệm vụ quản lý giống cây trồng có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị đến 25.000.000 đồng;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a, c, d, đ, e, g, h, i khoản 1 Điều 28 Luật Xử lý vi phạm hành chính và điểm a, b, c, d, đ, e khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

3. Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành Tổng cục Thủy sản, Tổng cục Thủy lợi có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 35.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị đến 35.000.000 đồng;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a, c, d, đ, e, g, h, i khoản 1 Điều 28 Luật Xử lý vi phạm hành chính và điểm a, b, c, d, đ, e khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

4. Chánh thanh tra Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tổng cục trưởng Tổng cục Lâm nghiệp, Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy sản, Cục trưởng Cục Trồng trọt, Cục trưởng Cục Bảo vệ thực vật có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện sử dụng để vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a, c, d, đ, e, g, h, i khoản 1 Điều 28 Luật Xử lý vi phạm hành chính và điểm a, b, c, d, đ, e khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

Điều 33. Thẩm quyền xử phạt của thanh tra chuyên ngành trong lĩnh vực bảo vệ và kiểm dịch thực vật

Thanh tra chuyên ngành trong lĩnh vực bảo vệ và kiểm dịch thực vật có thẩm quyền xử phạt đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Chương III của Nghị định này, cụ thể như sau:

1.[35] Thanh tra viên nông nghiệp và phát triển nông thôn, người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành đang thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

---

[35] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 2 của Nghị định số 07/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp; bảo vệ và kiểm dịch thực vật; thú y; chăn nuôi, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2022.

b) Phạt tiền đến 500.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 1.000.000 đồng;

d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a, c và đ khoản 1 Điều 28 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

2.[36] Chánh thanh tra Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chi cục trưởng Chi cục về trồng trọt và bảo vệ thực vật; Chi cục trưởng Chi cục Kiểm dịch thực vật vùng thuộc Cục Bảo vệ thực vật; Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành: Cục Bảo vệ thực vật, Chi cục về trồng trọt và bảo vệ thực vật, có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, giấy chứng nhận đủ điều kiện, chứng chỉ hành nghề bảo vệ và kiểm dịch thực vật hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d)[37] Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 50.000.000 đồng;

đ)[38] Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a, c, d, đ, e, g, h, i khoản 1 Điều 28 Luật Xử lý vi phạm hành chính và điểm g, h, i, k, l, m, n khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

---

[36] Tên khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 2 của Nghị định số 07/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp; bảo vệ và kiểm dịch thực vật; thú y; chăn nuôi, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2022.

[37] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 2 của Nghị định số 07/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp; bảo vệ và kiểm dịch thực vật; thú y; chăn nuôi, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2022.

[38] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 2 của Nghị định số 07/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp; bảo vệ và kiểm dịch thực vật; thú y; chăn nuôi, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2022.

3. Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 35.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d)[39] Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 70.000.000 đồng;

đ)[40] Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a, c, d, đ, g, h, i khoản 1 Điều 28 Luật Xử lý vi phạm hành chính và điểm g, h, i, k, l, m, n khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

4. Chánh thanh tra Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Cục trưởng Cục Bảo vệ thực vật có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, giấy chứng nhận đủ điều kiện, chứng chỉ hành nghề bảo vệ và kiểm dịch thực vật hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d)[41] Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

---

[39] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 6 Điều 2 của Nghị định số 07/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp; bảo vệ và kiểm dịch thực vật; thú y; chăn nuôi, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2022.

[40] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 6 Điều 2 của Nghị định số 07/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp; bảo vệ và kiểm dịch thực vật; thú y; chăn nuôi, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2022.

[41] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm d khoản 6 Điều 2 của Nghị định số 07/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp; bảo vệ và kiểm dịch thực vật; thú y; chăn nuôi, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2022.

đ)[42] Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a, c, d, đ, e, g, h, i khoản 1 Điều 28 Luật Xử lý vi phạm hành chính và điểm g, h, i, k, l, m, n khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

Điều 34. Thẩm quyền xử phạt của Công an nhân dân

1. Chiến sĩ Công an nhân dân đang thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 500.000 đồng.

2.[43] Thủ trưởng đơn vị Cảnh sát cơ động cấp đại đội, Trưởng trạm, Đội trưởng của người được quy định tại khoản 1 Điều này có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 1.500.000 đồng.

3.[44] Trưởng Công an cấp xã, Trưởng đồn Công an, Trưởng trạm Công an cửa khẩu, khu chế xuất, Trưởng Công an cửa khẩu Cảng hàng không quốc tế, Thủy đội trưởng có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 2.500.000 đồng;

c)[45] Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 5.000.000 đồng;

---

[42] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm d khoản 6 Điều 2 của Nghị định số 07/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp; bảo vệ và kiểm dịch thực vật; thú y; chăn nuôi, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2022.

[43] Tên khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 7 Điều 2 của Nghị định số 07/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp; bảo vệ và kiểm dịch thực vật; thú y; chăn nuôi, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2022.

[44] Tên khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 7 Điều 2 của Nghị định số 07/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp; bảo vệ và kiểm dịch thực vật; thú y; chăn nuôi, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2022.

[45] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 7 Điều 2 của Nghị định số 07/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp; bảo vệ và kiểm dịch thực vật; thú y; chăn nuôi, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2022.

d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, c và đ khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

4.[46] Trưởng Công an cấp huyện; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát giao thông; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục An ninh mạng và phòng chống tội phạm sử dụng công nghệ cao; Trưởng phòng Công an cấp tỉnh gồm: Trưởng phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, Trưởng phòng Cảnh sát giao thông, Trưởng phòng Cảnh sát giao thông đường bộ - đường sắt, Trưởng phòng Cảnh sát giao thông đường bộ, Trưởng phòng Cảnh sát đường thủy, Trưởng phòng Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường, Trưởng phòng An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao, Trưởng phòng An ninh kinh tế, Thủy đoàn trưởng có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 10.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d)[47] Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 20.000.000 đồng;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, c và đ khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

5. Giám đốc Công an cấp tỉnh có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng;

---

[46] Tên khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 7 Điều 2 của Nghị định số 07/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp; bảo vệ và kiểm dịch thực vật; thú y; chăn nuôi, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2022.

[47] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 7 Điều 2 của Nghị định số 07/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp; bảo vệ và kiểm dịch thực vật; thú y; chăn nuôi, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2022.

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d)[48] Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, c, đ, i và k khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

6.[49] Cục trưởng Cục An ninh kinh tế, Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông, Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường, Cục trưởng Cục An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, c, đ, i và k khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính và khoản 3 Điều 4 của Nghị định này.

Điều 35. Thẩm quyền xử phạt của Hải quan

1. Công chức Hải quan đang thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 500.000 đồng.

---

[48] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm d khoản 7 Điều 2 của Nghị định số 07/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp; bảo vệ và kiểm dịch thực vật; thú y; chăn nuôi, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2022.

[49] Tên khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm đ khoản 7 Điều 2 của Nghị định số 07/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp; bảo vệ và kiểm dịch thực vật; thú y; chăn nuôi, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2022.

2.[50] Đội trưởng, Tổ trưởng thuộc Chi cục Hải quan; Tổ trưởng thuộc Đội Kiểm soát thuộc Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Đội trưởng thuộc Chi cục Kiểm tra sau thông quan có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 5.000.000 đồng.

3.[51] Chi cục trưởng Chi cục Hải quan; Chi cục trưởng Chi cục Kiểm tra sau thông quan, Đội trưởng Đội kiểm soát thuộc Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Đội trưởng Đội Điều tra hình sự, Đội trưởng Đội kiểm soát chống buôn lậu, Hải đội trưởng Hải đội kiểm soát trên biển và Đội trưởng Đội kiểm soát chống buôn lậu hàng giả và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ thuộc Cục Điều tra chống buôn lậu; Chi cục trưởng Chi cục Kiểm tra sau thông quan thuộc Cục Kiểm tra sau thông quan có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng;

c)[52] Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 50.000.000 đồng;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm d, đ, g, i và k khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

4. Cục trưởng Cục Điều tra chống buôn lậu, Cục trưởng Cục kiểm tra sau thông quan thuộc Tổng cục Hải quan, Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có quyền:

---

[50] Tên khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 8 Điều 2 của Nghị định số 07/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp; bảo vệ và kiểm dịch thực vật; thú y; chăn nuôi, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2022.

[51] Tên khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 8 Điều 2 của Nghị định số 07/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp; bảo vệ và kiểm dịch thực vật; thú y; chăn nuôi, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2022.

[52] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 8 Điều 2 của Nghị định số 07/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp; bảo vệ và kiểm dịch thực vật; thú y; chăn nuôi, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2022.

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d)[53] Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm d, đ, g, i và k khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

5. Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến mức tối đa quy định tại Nghị định này;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm d, đ, g, i và k khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

Điều 36. Thẩm quyền xử phạt của Quản lý thị trường

1. Kiểm soát viên thị trường đang thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 500.000 đồng.

2.[54] Đội trưởng Đội Quản lý thị trường, Trưởng phòng Nghiệp vụ thuộc Cục Nghiệp vụ quản lý thị trường có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng;

---

[53] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 8 Điều 2 của Nghị định số 07/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp; bảo vệ và kiểm dịch thực vật; thú y; chăn nuôi, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2022.

[54] Tên khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 9 Điều 2 của Nghị định số 07/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp; bảo vệ và kiểm dịch thực vật; thú y; chăn nuôi, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2022.

c)[55] Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 50.000.000 đồng;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, đ, e, g, h, i và k khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

3. Cục trưởng Cục Quản lý thị trường cấp tỉnh, Cục trưởng Cục nghiệp vụ quản lý thị trường trực thuộc Tổng cục Quản lý thị trường có quyền:[56]

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;

c)[57] Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

d) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, c, d, đ, e, g, h, i và k khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

4. Tổng Cục trưởng Tổng cục Quản lý thị trường có quyền:[58]

---

[55] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 9 Điều 2 của Nghị định số 07/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp; bảo vệ và kiểm dịch thực vật; thú y; chăn nuôi, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2022.

[56] Cụm từ "Cục trưởng Cục Quản lý thị trường cấp tỉnh, Cục trưởng Cục nghiệp vụ quản lý thị trường trực thuộc Tổng cục Quản lý thị trường có quyền:" được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 1 của Nghị định số 04/2020/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 31/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giống cây trồng, bảo vệ và kiểm dịch thực vật; Nghị định số 90/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y, có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 02 năm 2020.

[57] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 9 Điều 2 của Nghị định số 07/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp; bảo vệ và kiểm dịch thực vật; thú y; chăn nuôi, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2022.

[58] Cụm từ "Tổng Cục trưởng Tổng cục Quản lý thị trường có quyền:" được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 1 của Nghị định số 04/2020/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 31/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giống cây trồng, bảo vệ và kiểm dịch thực vật; Nghị định số 90/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y, có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 02 năm 2020.

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến mức tối đa quy định tại Nghị định này;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

d) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, c, d, đ, e, g, h, i và k khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

Điều 37. Thẩm quyền xử phạt của Bộ đội Biên phòng

1. Chiến sĩ Bộ đội Biên phòng đang thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 500.000 đồng.

2. Trạm trưởng, Đội trưởng của người được quy định tại khoản 1 Điều này có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 2.500.000 đồng.

3.[59] Đồn trưởng Đồn biên phòng, Hải đội trưởng Hải đội biên phòng, Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy Biên phòng Cửa khẩu cảng có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 10.000.000 đồng;

c)[60] Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 20.000.000 đồng;

---

[59] Tên khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 10 Điều 2 của Nghị định số 07/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp; bảo vệ và kiểm dịch thực vật; thú y; chăn nuôi, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2022.

[60] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 10 Điều 2 của Nghị định số 07/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp; bảo vệ và kiểm dịch thực vật; thú y; chăn nuôi, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2022.

d)[61] Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, c, d, đ và k khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

4.[62] Chỉ huy trưởng Bộ đội Biên phòng cấp tỉnh, Hải đoàn trưởng Hải đoàn biên phòng thuộc Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến mức tối đa quy định tại Nghị định này;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ)[63] Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, c, d, đ, i và k khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

Điều 38. Thẩm quyền xử phạt của Cảnh sát biển

1. Cảnh sát viên Cảnh sát biển đang thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 1.000.000 đồng.

2. Tổ trưởng Tổ nghiệp vụ Cảnh sát biển có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 2.500.000 đồng.

3. Đội trưởng Đội nghiệp vụ Cảnh sát biển, Trạm trưởng Trạm Cảnh sát biển có quyền:

---

[61] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 10 Điều 2 của Nghị định số 07/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp; bảo vệ và kiểm dịch thực vật; thú y; chăn nuôi, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2022.

[62] Tên khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 10 Điều 2 của Nghị định số 07/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp; bảo vệ và kiểm dịch thực vật; thú y; chăn nuôi, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2022.

[63] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 10 Điều 2 của Nghị định số 07/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp; bảo vệ và kiểm dịch thực vật; thú y; chăn nuôi, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2022.

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 5.000.000 đồng;

c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, c và đ khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

4. Hải đội trưởng Hải đội Cảnh sát biển có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 10.000.000 đồng;

c)[64] Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 20.000.000 đồng;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, c, d, đ và k khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

5. Hải đoàn trưởng Hải đoàn Cảnh sát biển có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 15.000.000 đồng;

c)[65] Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 30.000.000 đồng;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, c, d, đ và k khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

6.[66] Tư lệnh Vùng Cảnh sát biển, Cục trưởng Cục Nghiệp vụ và Pháp luật thuộc Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam có quyền:

---

[64] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 11 Điều 2 của Nghị định số 07/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp; bảo vệ và kiểm dịch thực vật; thú y; chăn nuôi, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2022.

[65] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 11 Điều 2 của Nghị định số 07/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp; bảo vệ và kiểm dịch thực vật; thú y; chăn nuôi, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2022.

[66] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 11 Điều 2 của Nghị định số 07/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp; bảo vệ và kiểm dịch thực vật; thú y; chăn nuôi, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2022.

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, c, d, đ và k khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

7.[67] Tư lệnh Cảnh sát biển Việt Nam có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến mức tối đa quy định tại Nghị định này;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, b, c, d, đ và k khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

Điều 39. Phân định thẩm quyền xử phạt của Công an nhân dân, Hải quan, Quản lý thị trường, Bộ đội biên phòng và Cảnh sát biển

1. Những người có thẩm quyền của Công an nhân dân có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, có quyền áp dụng các hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khắc phục hậu quả đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này theo thẩm quyền quy định tại Điều 34 của Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

2.[68] Những người có thẩm quyền của cơ quan Hải quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, có quyền áp dụng các hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp

---

[67] Tên khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều 2 của Nghị định số 07/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp; bảo vệ và kiểm dịch thực vật; thú y; chăn nuôi, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2022.

[68] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 7 Điều 1 của Nghị định số 04/2020/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 31/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giống cây trồng, bảo vệ và kiểm dịch thực vật; Nghị định số 90/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y, có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 02 năm 2020.

khắc phục hậu quả đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều 8; điểm d, đ khoản 2 Điều 12; Điều 17; điểm b khoản 4 Điều 19; Điều 20; Điều 22; Điều 28 và Điều 30 của Nghị định này theo thẩm quyền quy định tại Điều 35 của Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

3. Những người có thẩm quyền của cơ quan quản lý thị trường có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, có quyền áp dụng các hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khắc phục hậu quả đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại các Điều: 13, 14, 15, 16, 18, 19, 24, 25, 27 và 30 của Nghị định này theo thẩm quyền quy định tại Điều 36 của Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

4.[69] Những người có thẩm quyền của lực lượng bộ đội biên phòng có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, có quyền áp dụng các hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khắc phục hậu quả đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều 17; khoản 1 Điều 18; khoản 4, khoản 5, khoản 5a Điều 19; Điều 20; Điều 27; khoản 6 Điều 28 của Nghị định này theo thẩm quyền quy định tại Điều 37 của Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

5.[70] Những người có thẩm quyền của lực lượng cảnh sát biển có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, có quyền áp dụng các hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khắc phục hậu quả đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều 17; khoản 1 Điều 18; khoản 4, khoản 5, khoản 5a Điều 19; Điều 20; Điều 27;

---

[69] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 7 Điều 1 của Nghị định số 04/2020/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 31/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giống cây trồng, bảo vệ và kiểm dịch thực vật; Nghị định số 90/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y, có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 02 năm 2020.

[70] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 7 Điều 1 của Nghị định số 04/2020/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 31/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giống cây trồng, bảo vệ và kiểm dịch thực vật; Nghị định số 90/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y, có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 02 năm 2020.

khoản 6 Điều 28 của Nghị định này theo thẩm quyền quy định tại Điều 38 của Nghị định này và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

Điều 40. Thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính

1. Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính quy định từ Điều 31 đến Điều 38 của Nghị định này theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

2. Công chức, viên chức đang thi hành công vụ, nhiệm vụ theo chức năng, quyền hạn được giao thuộc lĩnh vực giống cây trồng, bảo vệ và kiểm dịch thực vật.

Chương V
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH[71]

---

[71] Điều 4, Điều 5, Điều 6 của Nghị định số 04/2020/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 31/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giống cây trồng, bảo vệ và kiểm dịch thực vật; Nghị định số 90/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y, có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 02 năm 2020, quy định như sau:

"***Điều 4. Hiệu lực thi hành***

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 18 tháng 02 năm 2020.

Điều 5. Quy định chuyển tiếp

Đối với hành vi vi phạm hành chính xảy ra trước ngày Nghị định này có hiệu lực mà sau đó mới bị phát hiện hoặc đang xem xét, giải quyết thì áp dụng các quy định có lợi cho cá nhân, tổ chức vi phạm.

Điều 6. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm hướng dẫn và thi hành Nghị định này./."

Điều 5, Điều 6, Điều 7 Nghị định số 07/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp; bảo vệ và kiểm dịch thực vật; thú y; chăn nuôi, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2022, quy định như sau:

"***Điều 5. Hiệu lực thi hành***

Nghị định này có hiệu lực từ ngày 10 tháng 01 năm 2022.

Điều 6. Quy định chuyển tiếp

Đối với hành vi vi phạm hành chính xảy ra trước ngày Nghị định này có hiệu lực mà sau đó mới bị phát hiện hoặc đang xem xét, giải quyết để xử phạt vi phạm hành chính thì áp dụng các quy định về xử phạt quy định tại Nghị định này nếu Nghị định này không quy định trách nhiệm pháp lý hoặc quy định trách nhiệm pháp lý nhẹ hơn cho cá nhân, tổ chức vi phạm.

Điều 41. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 6 năm 2016.

2. Nghị định này thay thế Nghị định số 114/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giống cây trồng, bảo vệ và kiểm dịch thực vật.

Điều 42. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực giống cây trồng, bảo vệ và kiểm dịch thực vật xảy ra trước khi Nghị định này đã có hiệu lực mà sau đó mới bị phát hiện hoặc đang xem xét, giải quyết thì áp dụng các quy định có lợi cho tổ chức, cá nhân vi phạm.

Điều 43. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm hướng dẫn chi tiết, tổ chức thi hành Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Số: 05/VBHN-BNNPTNT

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 20 tháng 4 năm 2022

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Lê Quốc Doanh

Điều 7. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm hướng dẫn và thi hành Nghị định này."